TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HS-ST
Ngày: 28-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viển.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Luật.

2. Bà Vương Thị Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/HSST-QĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/HSST-QĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021, Thông báo số 01/2021/TB-TA ngày 16/7/2021 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, Thông báo số 02/2021/TB-TA ngày 15/9/2021 về việc mở lại phiên tòa xét xử đối với bị cáo:

Phạm Xuân T, sinh năm 1978 tại Bến Tre.

Nơi cư trú: tổ 7, ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T, sinh năm 1942 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1958; có vợ Nguyễn Thị Thuý V – sinh năm 1982 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn sinh năm 2003 nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Vào năm 1999, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai xử phạt 16 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" tại Bản án số 27/HSST ngày 15/7/1999. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2000.

Bị cáo ra đầu thú ngày 06/7/2020 và tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Đ cho đến nay "có mặt".

- *Bị hại:* Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Chị Vũ Thị Hồng T2, sinh năm 1994; nơi cư trú: khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai "vắng mặt".

Người làm chứng: Bà Lương Thị L "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 29/6/2020, chị Bùi Thị T1 đi bộ đến quán bán nước của chị Lương Thị L ở tại ấp Hòa Thành, xã Ngọc Định, huyện Đ, khi đang ngồi chơi tại quán của chị L, chị T1 có lấy thoại di động hiệu "Samsung Galaxy A10" ra chơi đồng thời có hỏi mượn chị L cây lấy sim điện thoại để lấy sim ra, chị L lúc này đang bận bán nước cho khách nên nói với chị T1 là "chờ chị tý", lúc này Phạm Xuân T cũng có mặt tại quán. Khi đến quán nước của chị L thì T điều khiển xe mô tô biển số 60K7-5763, T dựng xe bên ngoài hiên quán nước, khi đến T có kêu 01 chai nước uống, nghe được cuộc nói chuyện giữa chị T1 và chị L, T nói với chị T1 đưa điện thoại để T mở thay sim hộ, nghe T nói vậy chị T1 đã đi lại vị trí của T và định đưa điện thoại cho T. Khi chị T1 chưa kịp đưa thì T đã giật lấy chiếc điện thoại trên tay chị T1 rồi đi ra xe mô tô biển số 60K7-5763 dựng sẵn bên hiên quán nước nổ máy điều khiển bỏ chạy về hướng thị trấn Đ, chị T1 có đuổi theo và tri hô "cướp, cướp, cướp", nhưng lúc này T đã chạy thoát. Đến ngày 30/6/2020, T đến tiệm điện thoạiT2 của chị Vũ Thị Hồng T2 ở khu 3, khu 3, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai bán điện thoại cướp giật được với giá 1.200.000 đồng.

Đến ngày 06/7/2020, Phạm Xuân T đến đến Công an xã Ngọc Định đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vụ việc chuyển đến Cơ quan điều tra – Công an huyện Đ, để giải quyết theo thẩm quyền, Phạm Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình (thể hiện tại các bút lục 62 đến 67), nhưng đến ngày 12/7/2020, T không thừa nhận việc mình cướp giật chiếc điện thoại trên tay của chị T1 mà cho rằng chị T1 đưa điện thoại cho T, rồi T ra xe bỏ đi chứ không nhanh chóng tẩu thoát và cho rằng T chỉ phạm tội Trộm cắp tài sản chứ không phải là Cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra – Công an huyện Đ, đã tiến hành đối chất giữa Phạm Xuân T và người bị hại là chị Bùi Thị T1 và người làm chứng chị Lương Thị L thì thấy rằng: chị T1 khai nhận T là người trực tiếp giật chiếc điện thoại trên tay chị, rồi lên xe bỏ chạy thoát chị có tri hô "cướp cướp cướp", chị L khai nhận chị có chứng kiến việc T cầm chiếc điện thoại của chị T1 trên tay lên xe mô tô của T đậu bên hiên quán bỏ chạy thoát chị nghe chị T1 hô "cướp, cướp, cướp", chị cũng tri hô theo (các bút lục 58 đến 61). Đến ngày 23/6/2021 bị cáo đã thừa nhận khi chị T1 chưa kịp đưa điện thoại cho bị cáo thì bị cáo đã giật lấy chiếc điện thoại trên tay chị T1 rồi đi ra xe bỏ chạy.

Tài sản thiệt hại: 01 điện thoại di động hiệu "Samsung Galaxy A10" màu đỏ. Căn cứ Kết luận định giá tài sản ngày 09/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Tổng giá trị tài sản thiệt hại là: 2.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSĐQ ngày 29 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Phạm Xuân T phạm tội "Cướp giật tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Xuân T từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Kiểm sát viên còn nêu quan điểm về biện pháp tư pháp, các vấn đề khác và án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Căn cứ vào bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và sự thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và lời khai của bị hại, người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 11 giờ ngày 29/6/2020, tại ấp Hòa Thành, xã Ngọc Định, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai Phạm Xuân T đã cướp giật của chị Bùi Thị T1 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10. Tài sản thiệt hại là 2.5000.000 đồng. Hành vi do bị cáo đã thực hiện trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi trên với lỗi cố ý. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó bị cáo đã phạm tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự. Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 40/CT-VKSĐQ ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Đ đã truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Phạm Xuân T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của chị Bùi Thị T1 mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo là trộm cắp tài sản nhưng sau đó bị cáo đã thừa nhận hành vi của bị cáo là cướp giật tài sản. Vì vậy, bị cáo vẫn được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thuộc trường hợp quy định s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, trình độ học vấn thấp, bị cáo ra đầu thú, tài sản đã thu hồi và trao trả cho chủ sỡ hữu là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu "Samsung Galaxy A10" màu đỏ, là tài sản của chị Bùi Thị T1. Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chị T1 là đúng quy định.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu FIMEX biển số 60K7-5763 là xe mô tô thuộc sở hữu của ông Phạm Xuân Thế - sinh năm 1942, trú tại ấp 1, xã Thanh Sơn, huyện Đ (là cha ruột T). Khi T sử dụng xe mô tô trên đi cướp giật tài sản thì ông Thế không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trao trả lại chiếc xe trên cho ông Thế là phù hợp.

- Số tiền 1.200.000 đồng là số tiền T bán điện thoại mà có, là số tiền chịT2 đã bỏ ra mua điện thoại nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chịT2 là đúng quy định.

[6] Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác:

- Chị Bùi Thị T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

- Đối với chị Nguyễn Thị HồngT2 khi mua điện thoại không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chịT2.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xử lý vật chứng,

trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Xuân T phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Xuân T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2020.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an H.Đ;
- VKSND H.Đ ;
- CCTHADS H.Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Viễn